

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 21 (Phần Đầu)

## BẢN LUẬN QUYỂN 78

Dưới đây là, đoạn thứ sáu, Bồ-tát Quán Tự Tại thưa hỏi nghĩa của các Địa, trong đó trước nêu tông chỉ của kinh. Kế chính là dẫn văn.

Trong đoạn trước nói: “Lại nữa, dựa vào thừa, giả lập, phân biệt giải thích Đại thừa như thật v.v.... Theo trong Đại thừa, y cứ giai vị tu hành, giả lập Thập địa v.v... Y cứ trong chính thức dẫn văn kinh, trước hỏi đáp, chính nói về nghĩa các địa. Sau thỉnh đặt tên kinh và chúng đương thời được lợi ích. Trong phần trước có hai:

1. Văn xuôi có trùng tụng. Văn xuôi có bốn:

- a. Nói về nghĩa của Địa.
- b. Nói về pháp nên học trong Địa.
- c. Nói về phiền não đã có trong Địa.
- d. Nói về y nói Nhất thừa.

Đầu tiên nói trong địa có sáu:

- 1) Nói về nghĩa nhiếp.
- 2) Giải thích tên của Địa.
- 3) Nói về pháp được đối trừ trong Địa.
- 4) Nói về đức chung thanh tịnh của các Địa.
- 5) Vì nói bốn duyên, nên Bồ-tát sinh vượt hơn.
- 6) Nói về các nguyện lớn của hạnh Bồ-tát.

Trong phần đầu, trước hỏi, sau đáp. Trong phần hỏi, Bồ-tát Quán Tự Tại. Xưa nói là Quán Thế Âm ở đây là người dịch sai lầm trong kinh Dược Sư, bản cựu dịch gọi là Quán Thế Âm Tự Tại chỉ thừa hai chữ “Thế Âm). Nay, y cứ tiếng Phạm dịch là “Quán Tự Tại”, câu hỏi kia có hai:

1. Hỏi thanh tịnh.
2. Hỏi về phần Nhiếp.

Trong phần đáp, trước đáp chung. Sau, gạn hỏi. Giải thích riêng,

trong đó, đầu tiên, là giải thích về bốn thứ thanh tịnh rất dễ hiểu.

Kế là giải thích về mười một phần Nhiếp, nghĩa là mười một Địa, gọi là mười một phần. Trong mỗi một Địa: 1- Nói về về phần đã viên mãn. 2- nói về Thắng tiến phần chưa viên mãn. Trước đối với địa hạnh thắng giải, dựa vào mười pháp hạnh, tu tập rất tốt lành v.v.... Luận sư Cảnh nói: “Nói: “Mười pháp hạnh tức là biên chép, gìn giữ cúng dường, tự đọc tụng, ban cho người khác v.v... cũng có thể dù ở Địa tiên, vẫn mong học hạnh Thập địa, gọi là tu v.v... mười pháp hạnh cùng cực thiện.”

Pháp sư Thái nói: “Trước ở Địa tiên, dựa vào mười thứ hạnh sao chép, thọ trì v.v... vì tu nhân thắng giải, nên nhập phần Sơ Địa.”

Lại, giải thích: “Mười độ, gọi là mười pháp. Bồ-tát Tám địa, tâm chưa thể bỏ các đẳng chí ái và học pháp ái, nghĩa là chướng ngại Tứ địa, chưa được gọi là đã viên mãn. Địa luận gọi là chướng giải pháp, cho đến phần viên mãn này. Tứ địa viên mãn mà chưa thể quán sát như thật về lý các đế, nghĩa là chưa được quán đế của Ngũ địa. Lại, tâm chưa thể trái bỏ hướng về; chưa thể tu phương tiện v.v... Ngũ địa thông đạt khổ sinh tử, mà có thể thường nhập, thông đạt niềm vui Niết-bàn, mà không nhanh chóng mong cầu là hai phương tiện Tứ địa chưa được.

“Vì khiến cho v.v... ” trở xuống, là Ngũ địa viên mãn, mà chưa thể quán sát như thật về sinh, tử lưu chuyển. Nghĩa là Lục địa có thể quán Duyên khởi lưu chuyển, còn ngũ địa không được. Lại, do phần nhiều sinh nhằm chán đối với sinh tử kia, nên chưa thể phần nhiều trụ nơi tác ý vô tướng. Thất địa nhập lâu dài tác ý vô tướng của chân như. Lục địa dù không nhập lâu dài. Mà có thể phần nhiều trụ tác ý vô tướng, Bồ tát Ngũ Địa đối với khổ sanh tử thường sanh nhằm chán không thể thường sống trong tác ý vô tướng mà không thể khiến cho tác ý vô tướng không thiếu, không gián đoạn, phần nhiều tu tập trụ, chưa được nhập lâu dài chân quán của Thất địa, mà chưa thể lìa bỏ công dụng trong trụ vô tướng. Thất địa chưa được vô công dụng vô tướng của Bát địa.

Lại, chưa thể được tự tại đối với tướng, nghĩa là Bồ-tát Bát địa dù có công dụng đối với tướng tục đế, nhưng vì về phần tự tại, Thất địa chưa được, chưa thể huấn từ khác nhau trở xuống đối với các tướng của tên khác, nói chưa được đức vô ngại giải của Cửu địa. Tên khác, là “Pháp Vô Ngại”. Các tướng, là “Nghĩa Vô Ngại”. Huấn từ khác nhau, nghĩa là từ vô ngại.

Tất cả phẩm loại giảng nói được tự tại hoàn toàn đối với pháp, nghĩa là “Nhạo thuyết Vô ngại”, Bát địa chưa được, gọi là chưa thể.

“Chưa thể được pháp thân viên mãn, chứng thọ hiện tiền. Bồ-tát

Thập địa đã lìa hết phiền não thô, pháp thân viên mãn, Cửu địa chưa được.

“Chứ có thể được diệu kiến, diệu trí vô ngại, vô trước đối với tất cả cảnh giới sở tri”, nghĩa là chưa được quả Phật. Vì quả Phật lìa chướng phiền não, nên gọi là Diệu trí vô trước. Lìa chướng sở tri, nên gọi là diệu kiến vô ngại, Thập địa chưa được.

“Vì khiến cho v.v... ”trở xuống, là nói được Phật địa viên mãn.”

Hỏi: “Theo kinh Bản Nghiệp, Địa thứ mười một, gọi là địa Đẳng Giác. Trong đây, vì sao nói Như lai Địa, gọi là địa thứ mười một ư?”

Giải thích: “Tự có hai nghĩa:

1. Nói luận riêng về nhân, quả, chỉ có Diệu Giác, gọi là Như lai Địa. Như kinh kia nói:

2. Nhiếp nhân thuộc quả, Diệu giác, Đẳng giác đều gọi là Phật địa, như kinh ấy nói. “Vì đa có hai nghĩa, nên không trái nhau.

Thứ hai, giải thích danh nghĩa của Địa:

Thành tựu nghĩa Đại, tức là thành tựu lợi mình, lợi người, gọi là thành nghĩa Đại, được chưa từng được tâm xuất thế gian. Đầu tiên, được trí vô phân biệt sinh vui mừng. Bồ-tát Thế Thân lấy ý trong đây để giải thích về Sơ Địa, nói rằng: “Thành tựu vô thượng, lợi mình, lợi người. đầu tiên chứng quả Thánh phần nhiều sinh vui mừng, nên gọi là Hoan Hỷ địa, từ nghĩa được tên, xa lìa tất cả phạm giới vi tế, gọi là Ly cấu địa, nên phạm gọi là thô, lầm phạm, gọi là tế. Sơ Địa vì lìa, cho nên phạm. Nhị địa vì lìa lầm phạm, nên nói rằng xa lìa phạm giới vi tế. Địa Luận cũng lấy ý này, chỗ kia giải thích rằng: “Lìa tâm khởi ngộ nhận phạm giới phiền não như. Vì giới thanh tịnh đầy đủ, nên gọi là Ly cấu (lìa như), cũng từ nghĩa được tên. Do chỗ ấy, cho đến Phát Quang Địa, nghĩa là Tam địa được định và Văn trì, văn trì lại là khác nhau trong định. Dựa vào các định này, có thể phát trí sáng, gọi là Phát quang địa. Phát là nghĩa nhân, quang là nghĩa quả. Nhân quả là danh”. Địa Luận chép: “Tùy theo pháp chiếu Văn, Tư Tu v.v... hiện rõ, gọi là minh địa. Vì ba tuệ soi sáng nên gọi là minh địa. Đây là trực tiếp từ địc kia đã phát ra quả tuệ được tên. Do địa kia đã được pháp Bồ-đề. Phần đến gọi là Diệm Tuệ Địa. Nghĩa là phiền não như củi, trí như ánh lửa. Lửa đạo của Tứ địa đốt củi phiền não. Pháp dụ nêu cả hai, gọi là Diệm tuệ địa. Luận cũng lấy ý này, gọi là tất là Diệm Địa. Do tức ở địa kia đến, gọi là cực Nan thắng địa. Nghĩa là thắng trí chân tục trong địa thứ năm trái nhau không thành công. Do nhiều gian nan mới được khởi chung, gọi là Nan Thắng địa, từ nghĩa mà được tên. Địa luận giải thích: “Được

phương tiện khéo léo xuất thế gian có thể hóa độ người khó hóa độ, gọi là Nan thắng Địa.

Hiện tiền quán sát các hành lưu chuyển, nghĩa là Hậu trí hiện tiền, quán về duyên khởi. Lại, đối với Vô tướng, phần nhiều tu tác ý mới hiện ở trước, nghĩa là trí Vô phân biệt phần nhiều tu công dụng, mới hiện ở trước. Hai trí hiện tiền. Cho nên, thứ sáu, gọi là Hiện tiền địa, từ nghĩa được tên. Địa luận giải thích: “Hạnh Bát-Nhã Ba-la-mật có gián đoạn, đại trí hiện tiền, gọi là Hiện tiền Địa. Trí Vô Phân biệt không thường nối tiếp nhau, gọi là Bát-nhã hữu gián, tác ý mới khởi, nên gọi là Đại trí hiện tiền, có thể xa chứng nhập đến, gọi là Viễn Hành địa, nghĩa là bắt đầu từ Sơ Địa sau cùng đến địa thứ bảy, trải qua một tầng-kỳ tu hạnh vô tướng, mới được vô gián chứng nhập vô tướng. Gần gũi với địa thanh tịnh thứ tám kia, gọi là Viễn Hành địa. Bát địa lia lổ công dụng, gọi là Thanh Tịnh địa. Địa luận giải thích: “Khéo tu công dụng rất ráo của hạnh vô tướng, có thể vượt qua đạo xuất thế gian của Nhị thừa thế gian, nên gọi là Viễn hành. Lục địa trước cũng tu hạnh vô tướng không thể nối tiếp nhau, không được gọi là thiện. Thất địa Vô gián, nên gọi là khéo tu. Bảy địa trước sinh khởi các hạnh đều có công dụng. Nay, địa thứ bảy đối với hạnh công dụng ở mé sau. Cho nên, gọi là công dụng rất ráo. Tam địa trước tu thí, giới, định tương đồng với thế gian. Phẩm đạo của Tứ địa, quán đế của ngũ địa, duyên khởi của Lục địa, tương đồng với đạo xuất thế gian của Nhị thừa. Nay, được Thất địa có thể vượt qua Nhị địa trước, nên có thể nói rằng vượt qua đạo thế gian, xuất thế gian của Nhị thừa, nên gọi là Viễn hành địa. Đây cũng từ nghĩa đặt tên.

“Do đối với vô tướng cho đến “Gọi là Bất động địa nghĩa là chân trí được vô công dụng mà không bị động bởi phiền não hiện hành, gọi là bất động, cũng từ dụng nghĩa được tên. Địa luận giải thích: “Vì địa hạnh có thể thuần thực vô tướng vô gián, nên gọi là Bất động. Y cứ trực tiếp Chân trí để giải thích Bất động.

“Đối với Nhất thiết chủng cho đến “Gọi là Thiện Tuệ Địa”, nghĩa là đối với Nhất thiết chủng, nói pháp tự tại giải thiện, được Đại trí tuệ rộng lớn không có tội. Giải tuệ. Tuệ là thể, thiện là nghĩa, thể nghĩa mà được tên gọi.

Địa luận giải thích: “Về danh nghĩa là sức vô ngại nói pháp, thành tựu hạnh lợi tha, gọi là Thiện Tuệ địa. Giải thích thẳng nghĩa “Thiện”, không giải thích nghĩa “Tuệ”.

“Nghĩa” thô nặng cho đến “Gọi là Pháp Vân Địa”, nghĩa là Vô biên thể phiền não chướng sở tri, đã có tánh không điều hòa nhu thuận

của tùy miên, gọi là thân thô nặng, ví như hư không kia, pháp thân mà Thập địa đã chứng được viên mãn. Ví như vầng mây lớn có thể che khắp, như hư không thô nặng, nên gọi là Pháp Vân. Pháp gọi là Pháp Thân. Pháp Thân ví như mây, Pháp và dụ đều nêu, nên gọi là Pháp Vân.

Xưa, Bồ-tát Thế Thân giải thích: “Pháp gọi là Trí, vì mây dụ cho trí, cũng là pháp, dụ nêu cả hai, nên gọi là pháp vân.”

Địa Luận giải thích: “Nghĩa là pháp thân lớn, đầy đủ tự tại, gọi là Pháp Vân Địa.

“Dứt trừ hẳn” trở xuống, là giải thích về Phật Địa rất dễ hiểu.

Thứ ba, là nói về pháp bị đối trừ trong địa. Cho nên hai mươi hai ngu si, mười một thô nặng, mười một thô nặng là hai mươi hai ngu si, tánh không điều hòa, nhu thuận, thô nặng của tùy miên. Nhiếp luận do Ngài Tam Tạng chân đế dịch chép: “Bốn thứ sinh tử, báo thô nặng của hai mươi hai vô minh. Nhiếp luận của Đại thừa không nói bốn thứ vô minh, chỉ từ phía Nam đã được nói về bốn sinh tử trong kinh Vô Thượng Y. Nay, Ngài Tam Tạng Pháp sư tra cứu bản Phạm thì không có chữ “báo” và bốn sinh tử, nên nói là hai mươi hai ngu si, mười một thô nặng”. Hai mươi hai ngu, ở quyển trước đã phân biệt đối nhau trong mười chướng. Nay, lược giải thích tướng. Văn có bốn đoạn: Đầu tiên là hỏi, kế là đáp, ba là kết, bốn là lãnh thọ.

Trong phần đáp, thì hai ngu của Sơ Địa:

1. Chấp Bồ-đặc-già-la và ngu pháp, tức là hai chấp Nhân, Pháp.

2. Ngu tạp nhiễm của đường ác, nghĩa là tức nghiệp phiền não của cõi ác, sinh ba thứ tạp nhiễm. Nhị địa có hai:

1) Phạm vi tế là lầm phạm thất niệm (quên mất)

2) Các thứ đường nghiệp, nghĩa là thấy ba hạnh khác nhau của ba nghiệp. Tam địa có hai ngu:

1) Chương dục tham, thì chương đẳng trì.

2) Ngu viên mãn văn trì Đà-La-ni, nghĩa là ba địa đã được đức nghe, nhớ giữ v.v... Nhị địa chưa được, từ đối tượng chướng mà được tên gọi. Tứ địa có hai:

1) Ái đẳng trì tức là tâm thiên định khởi ái trong Tam địa, chướng ngại cho Tứ địa.

2) Ái pháp.

3) Bồ-tát địa vì lấy pháp ái, nên cầu nhẫn pháp hạnh, như kinh nói rộng. Ngũ địa có hai:

1) Hoàn toàn tác ý, trái bỏ sinh tử.

2) Hoàn toàn tác ý hưởng và Niết-bàn và khởi chương ở năm trong Tứ địa. Lục địa có hai:

1) Hiện tiền quán sát các hạnh lưu chuyển, nghĩa là Lục địa hiện tiền quán các hạnh lưu chuyển của mười hai duyên. Ngũ địa chưa được chương ngại cho Lục địa, từ sở chương mà được tên gọi.

2) tướng phần nhiều hiện hành, nghĩa là Bồ-tát ngũ địa dù đều nhằm chán niềm vui, nhưng về tướng nhằm chán sinh tử, phần nhiều hiện hành ở trước, chương ngại cho Lục địa. Thất địa có hai:

1) Ngu hiện hành của tướng vi tế, nghĩa là Thất địa nhập chân quán vô tướng lâu dài. Lục địa dù quán vô tướng, nhưng chưa thể vô gián, nhưng lúc nào cũng trông thấy tướng hiện hành. Sinh này năng che lấp, gọi là ngu.

2) Hoàn toàn ngu phương tiện tác ý vô tướng, nghĩa là phương tiện tác ý của Thất địa, hoàn toàn chân quán vô tướng nối tiếp nhau. Lục địa cũng thấy tướng tế hiện tiền, chương ngại tác ý của Thất địa. Hoàn toàn vô tướng. Đây là y cứ vào công đức bị che lấp, lại lập một ngu. Bát địa có hai:

1. Ngu công dụng của tác ý đối với vô tướng, nghĩa là ngay nơi thể mà được tên. Chân quán của Thất địa dù lại nối tiếp nhau, nhưng có công dụng, chương ngại vô tướng không có công dụng của Bát địa.

2. Ngu đối với tướng hạnh tự tại. Bồ-tát Bát địa lợi tha có công dụng trong hành nối tiếp, chưa được tự tại. Tự tại không có công dụng đã được tự tại. Thất địa chưa thể, từ đối tượng chương mà được tên gọi. Gọi là tự tại đối với tướng hạnh. Cửu địa có hai:

1. Nói pháp vô lượng là nghĩa vô ngại. Câu, văn, chữ v.v... của vô lượng pháp là pháp vô ngại.

2. Ngu biện tài tự tại, nghĩa là từ Vô ngại và nhạo thuyết vô ngại, Cửu địa đã được, Bát địa chưa được đều từ sở chương mà được tên gọi. Thập địa có hai:

1. Ngu đại thần thông.

2. Ngu ngộ nhập bí mật vi tế, nghĩa là đại thần thông tức là năm phần pháp thân. Bí mật vi tế tức là chân như pháp thân. Cửu địa không được viên mãn hai pháp thân này. Như lai địa có hai:

1. Chấp mắc rất vi tế đối cảnh Nhất thiết sở trí, tức là tùy miên phiền não của phẩm hạ, rất thấp của tướng bi.

2. Ngăn ngại rất cùng cực vi tế, chính là thể sở trí chướng phẩm hạ của tướng bi rất thấp.

Thứ tư, là nói về đức thanh tịnh chung của các địa, đầu tiên là nói

tám thứ thanh tịnh, xưa gọi là tám quả, rộng như phẩm trụ nói.

Trong đây, 1- Ý lạc thanh tịnh, tức là tác ý làm thể; 2- Tâm thanh tịnh, tức lấy định làm thể. Sáu thứ còn lại rất dễ hiểu. Quả báo của các nghiệp, gọi là sinh thanh tịnh, nên Phật địa không có.

Kế là, là nói hữu lượng, vô thượng.

Thứ năm, là nói nhờ bốn nhân duyên, nên Bồ-tát sinh vượt hơn.

Thứ sáu, là nói về các đại nguyện của hạnh Bồ-tát.

Nói thẳng nguyện mẫu nhiệm rộng lớn, ở đây có hai giải thích:

1. Giải thích: “Vì giáo hóa rộng các hữu tình, nên gọi là nguyện rộng lớn, vì tu tất cả điều thiện, nên gọi là nguyện mẫu nhiệm, vì dứt trừ tất cả việc ác, nên gọi là nguyện vượt hơn.”

2. Giải thích: “Nguyện rộng lớn: Tức tâm rộng lớn. Nguyện mẫu nhiệm tức tâm thứ nhất. Nguyện vượt hơn tức không có tâm điên đảo.

Vì bốn nhân duyên, nghĩa là có thể khéo biết rõ khéo trụ Niết-bàn, năng chứng nhanh chóng, chứng là thứ nhất, mà lại xả bỏ, chứng nhanh chóng lạc trụ là thứ hai. Không có duyên, không có chờ đợi, phát tâm đại nguyện là thứ ba. Vì muốn thời gian dài của chỗ lợi tha, nổi khổ là thứ tư. Dù có sáu đoạn, nhưng đều là thứ nhất, nói về nghĩa của địa đã xong.

Dưới đây là, thứ hai, nói về pháp nên học trong địa ấy, có hai mươi ba câu. Nhân, quả của nghiệp luận thù thắng, từ đây khởi:

1. Nêu sáu độ làm sự sở học.

2. Dùng ba học nhiếp thu sáu độ, phải biết rằng, ba độ đều là hai học tăng thượng, nghĩa là thí, nhẫn là quyến thuộc của giới, cũng gọi là giới.

3. Dùng ba thứ tư lượng gồm nhiếp sáu độ.

4. Nói về năm tướng, như tu thí v.v... Mười thứ pháp hạnh, tức là viết, chép, gìn giữ v.v...

5. Giải thích thành sáu số.

6. Nói về ý lập bốn độ sau.

Đối với tạng Bồ-tát, không thể nghe, “duyên” khéo tu tập: Nghe, là lắng nghe, “duyên” là “duyên lự”.

7. Nói về thứ lớp.

8. Nói về phẩm loại.

9. Giải thích nghĩa đến bờ bên kia.

10. Nói về sáu tỳ bị đối trị.

11. Nói quả chứng đắc.

12. Nói về pháp nhiệm xen lẫn như thí v.v...

13. Nói về chẳng phải phương tiện.

14. Giải thích năm tướng trên thanh tịnh chung, riêng, nghĩa là năm tướng không có nhiễm, chấp mắc, chung cả sáu độ. dựa vào sau độ này để nói về giới thanh tịnh có bảy:

1. Biết rõ chế lập.
2. Biết rõ xuất ly.
3. Thường đủ Thi-la, nghĩa là thường giữ gìn Thi-la.
4. Thi-la vững chắc, nghĩa là thủ hộ vững chắc Thi-la.
5. Thường trụ Thi-la: 1- Tác giới; 2- thọ giới.
6. Thường chuyển Thi-la: 1- không có tác giới; 2- tùy giới.
7. Thọ học tất cả. Nhẫn tịnh có bảy:

- 1) Giải thích tin sâu nhân quả, cho đến không đùa.
- 2) Không còn gia hại.
- 3) Không có tâm kết oán.
- 4) Khi can ngăn không giận dữ.
- 5) Không đợi đến can ngăn.
- 6) Không do sợ hãi tâm nhiễm mà thực hành nhẫn nhục.
- 7) Không vì tác ý mà xả bỏ.

- Hai giải thích:

- 1) Tin nghiệp quả.
- 2) Đối với không lợi ích, bất sinh tâm giận dữ.
- 3) Không báo đáp lại.
- 4) Không kết oán.
- 5) Lúc can ngăn, không giận dữ, cũng không đợi can ngăn.
- 6) Không do tâm hạnh sợ nhiễm.
- 7) Không vì làm ơn mới xả bỏ.

Tinh Tấn có bảy:

1/ Thông suốt bình đẳng, không tự xâm lấn người khác.

2/ Có thế lực lớn, tức là mặc giáp tinh tấn.

3/ Có tinh tấn lớn, tức là có thế.

4/ Có chỗ kham năng, là có sức.

5/ Bền chắc.

6/ Mạnh mẽ, hai thứ này tức là có động.

7/ Đối với các pháp thiện, không bao giờ buông bỏ, tức là không xả ách.

Giải thích:

1- Giải thích thực hành trong chỗ thông đạt.

2- Không tự đề cao.

3- Xâm lấn người khác.

4- Có thế lực lớn.

5- Rất siêng năng.

6- Có sức kham năng.

7- Không bỏ ách.

- Nay, Giải thích:

1- Thấu suốt tánh bình đẳng.

2- Không tự đề cao. Xâm lấn người khác.

3- Có thế lực lớn.

4- Rất tinh tấn.

5- Có chỗ kham năng.

6- Mạnh mẽ vững chắc.

7- Không xả bỏ ách.

Tĩnh lực có bảy: Có tướng khéo thông suốt:

1. Thông suốt chân như; rằng thông suốt ba tướng.

2. Viên mãn nghĩa là trụ phần định.

3. Câu phần, là đạo song vận.

4. Vận chuyển, nghĩa là thắng tấn phần sau sau.

5. Không có sở y, nghĩa là không tuệ tương ứng với định.

6. Khéo tu đối trị, nghĩa là dứt “hoặc”, chứng diệt.

7. Đối với tạng Bồ-tát, nghe duyên tu tập vô lượng, nghĩa là dựa vào giáo Đại thừa, tu các Tam-ma-địa không thể so lường.

Lại giải thích: “Vì tu bốn vô lượng, nên tuệ tịnh có bảy:

1. Giải thích: Xa lìa hai biên, biết ba giải thoát.

2. Biết hai tự tánh.

3. Biết ba vô tánh.

4. Biết năm minh thế tục, Ngoại minh, Nội minh, Thinh minh, Nhân minh, Y phương minh.

5. Biết Thắng nghĩa.

6. Vô phân biệt nhiều sở trụ.

7. Vô lượng pháp chung, cho đến tùy pháp hành.

Pháp sư Thái nói: “Lại vô phần”, trở xuống, có hai: trước là tuệ “chỉ”, sau là tuệ “quán”. Năm Tuệ gia hạnh, gọi là bảy thứ tuệ, tức đồng với phán quyết này.

Một giải thích khác: “Nếu các Bồ-tát cho đến “đó gọi là tuệ, là giải thích chung tên tuệ.”

Dưới đây là giải thích bảy tướng, phán quyết dưới đây cũng đồng. Nay theo giải thích trước.

15) Giải thích năm duyên trước, có chung năm nghiệp.

16) Y cứ năm nghĩa để phân biệt thí v.v... Trong năm tướng trước, ba tướng gọi là “rất rộng lớn”, hai tướng gọi là không nhiễm ô. Lúc tu sáu độ, tư duy lựa chọn là trước hết, nên rất sáng suốt.

Bát địa trở lên, gọi là không thể lay động. Viên mãn và quả, gọi là rất thanh tịnh.

17) Nói về nhân quả vô tận.

18) Nói về rất ưa thích thí v.v... không ưa thích quả thí v.v... lắm.

19) Nói về oai đức của thí v.v... Sáu độ đều có bốn thứ oai đức: Oai đức đầu tiên, trị sáu chướng, ba thứ sau như văn.

20) Nói về nghĩa lợi nhân quả,

21) Nói về Bồ-tát có tài sản, chúng sinh có ý tham.

22) Nói về Bát-nhã lấy các pháp vô tánh. Có hai hỏi đáp.

1. Hỏi, đáp để nói Bát-nhã khi lấy chân như không có tánh chấp ngang, gọi là lấy vô tánh của các pháp.

2. Ý hỏi: “Chân như lìa “có”, lìa “không”, khi lấy chân như, gọi là lấy vô tánh, có thể vì không có tánh, nên không thừa nhận lấy chân như, gọi là tánh sở hữu?”

Ý đáp: “Nói vô tánh là ngăn giải thích chẳng phải biểu, nghĩa là chân như kia không có thuyết chấp ngang trái, gọi là không có tánh. Ta cuối cùng không nói là Bát-nhã, hiểu là vô tánh, lấy vô tánh kia, dùng pháp nội chứng, không biết lấy tên gì, tức giả gọi là vô tánh.

23) Nói về ba danh khác nhau đã tu thí v.v... trong ba kỳ. Trong tăng-kỳ đầu, tu hành thí v.v... phiền não vẫn còn hiện hành, chưa thể hàng phục. Nhưng vì hàng phục phiền não kia, nghĩa là bị phiền não hàng phục, che lấp thí, v.v... nói là đối với thắng giải hạnh địa v.v... xuất địa vị kia, khi chuyển thắng giải trong Noãn, gọi là Ba-la-mật-đa, nghĩa là Địa tiền đã tu chưa thành phẩm thượng, chỉ là phẩm trung của phẩm Noãn, chỉ gọi là Ba-la-mật-đa. Lại, “đối với vô lượng thời, cho đến nói là từ Sơ Địa trở lên”, nghĩa là ra khỏi địa vị kia là gọi là cận Ba-la-mật-đa, vì bỏ cận Bồ-đề nên gọi là như thế.

Lại, “đối với cho đến Bát địa trở lên” nghĩa là ra khỏi địa vị kia, là gọi là Đại Ba-la-mật-đa, Bát địa trở lên, tu vô công dụng, trong mỗi hạnh khởi vô lượng hạnh, nên được gọi là “Đại”.

Tam Tang Chân Đế nói: “Ba danh này thuộc về Địa tiền.

1) Hắc, bạch lẫn lộn, gọi là Ba-la-mật-đa, vì phiền não xen lẫn trong Thập giải.

2) Hoàn toàn pháp bạch, gọi là Ba-la-mật-gần, vì hoàn toàn pháp

bach trong Thập hạnh, phiền não không hiện hành.

3) Chẳng phải Hắc, bạch có báo, gọi là Đại Ba-la-mật đà, vì vượt qua ba vị trước trong mười hồi hương. Dù có thuyết này mà trái với văn này.

Dưới đây là thứ ba là nói tắt cả phiền não trong địa, trong đó có bốn: 1/ Nói về đầu số, lược có ba thứ tùy miên, v.v... Luận sư Cảnh nói: “1- Tùy miên hại bạn, nghĩa là kiến dứt trừ hiện hành “hoặc” không câu sinh, là tu dứt trừ câu sinh giúp, “hoặc” kia, do thấy giúp hoặc, “tu hoặc” hừng chấy, cho nên, chỉ nói “hoặc” không câu sinh là giúp đỡ câu sinh tất cả. Tu hoặc câu sinh trong năm địa trước, đã lìa không câu sinh của kiến hoặc, nên gọi là hại bạn. Nay nêu “tu hoặc” hại bạn trong ngũ địa trước cũng lấy hạt giống được huân tập, gọi là tùy miên hại bạn tùy miên này rất là thô.

2- Tùy miên yếu kém, nghĩa là hiện hành vi tế trong Lục, Thất địa, nếu tu đã hàng phục, vì không hiện hành, nghĩa là tu hoặc hại bạn ở trước. Nếu ở trong Nhị địa sáu, bảy, khởi, thì chỉ là hiện hành vi tế và hạt giống, gọi là chung là tùy miên yếu kém. Như Nhiếp Luận nói “Thất địa nhập Chân quán lâu dài, không khởi phiền não”, vì sao nay lại nói khởi “hoặc” tế.

Thất địa có ba: Nhập, trụ, xuất. Tâm xuất địa mãn, Chân quán tiếp nối nhau, không khởi phiền não, nên nhiếp luận nói không khởi “hoặc”. Trong tâm nhập, trụ có lúc khởi “hoặc”, nên trong đây nói là hiện hành vi tế. Vì cho luận Phật địa quyển hai chép: “Có thuyết nói “Câu sinh phiền não trong thức thứ bảy của Tứ địa, tất cả xa lìa.”

Có thuyết nói: “Tất cả xa lìa Câu sinh ngã kiến trong thức thứ sáu của Tứ địa, chứ chẳng phải thức thứ bảy, vì Thất địa trở xuống vẫn còn có phiền não vi tế. Nếu không có thức thứ bảy, thì lẽ ra không có y nhiễm, tịnh, lẽ ra không giống với năm. Hoặc của thức thứ bảy, nếu đã xa lìa, thì “hoặc” thô của sáu thức của Ngũ, Lục, Thất địa lẽ ra sẽ không hiện hành, tức là trái với thuyết Du-già và Giải Thâm Mật, tức trái với Nhị địa Lục, Thất đã nói trong đây, có hiện hành vi tế của tùy miên yếu kém.

3- Tùy miên vi tế, Bát địa trở lên, từ địa này trở lên, tất cả phiền não không còn hiện hành nữa, chỉ có sơ tri chương làm y chỉ, tức hai thứ tùy miên ở trước truyền đến Bát địa trở lên, dù là chưa dứt vì thánh đạo xem xét, hàng phục công năng vi tế, ý thức của Bát địa trở lên. Đôi khi chỉ quán pháp không, hoặc chứng cả “hai không” để làm rạn vỡ chân như. Trí bình đẳng trong thức Mạt-na khởi, ý thức hoặc chỉ nhập quán

Nhân không, Mạt-na tức khởi pháp chấp, nên nói rằng “Tất cả phiền não không còn hiện hành, chỉ có chướng sở tri làm đối tượng nương tựa.”

Pháp sư Thái nói: “Tác ý phân biệt phiền não của Kiến đạo sinh, chứ chẳng phải sinh tức là nhậm vận khởi, gọi là hiện hành phiền não không Câu sinh. phiền não của tu đạo nhậm vận mà khởi, như sinh Đắc thiện, là phiền não Câu sinh. Đây là giải thích về Danh, nghĩa đồng với Luận sư Cảnh. Lục địa được quán vô tướng, vì Bát-nhã khởi, vì dần vi tế, nên chuyển, gọi là tùy miên yếu kém đã khởi. Nếu tu đạo đã hàng phục, mới không hiện hành. Bát địa trở lên, tất cả phiền não không còn hiện hành, tức có chướng sở tri chấp của thức thứ bảy làm chỗ nương tựa. Hiện hành sáu thức của pháp chấp đã khởi.”

Lại giải thích: “Kiến đạo dứt trừ phiền não, trong Sơ Địa, dứt hết kiến hoặc Câu sinh trong ý thức, địa thứ tư hàng phục “hoặc” Câu sinh còn lại. Kể cả ngã kiến câu sinh của Mạt-na. Vì trong Bát địa chỉ hàng phục, nên Bát địa trở lên dù có hiện hành của năm thức hữu lậu, nhưng ý thức chỉ là vô lậu. Nếu khi quán nhân không còn có Mạt-na chấp pháp thì lúc quán pháp không kia chỉ có Mạt-na hữu lậu. Nhưng tức kinh nói “Chỉ có sở tri chướng”, nghĩa là y cứ chấp pháp của Mạt-na mà nói.

Các Luận sư phương Tây phần nhiều theo giải thích này. Luận sư Khuy Cơ nói: “Hại bạn theo bạn, nghĩa là thuộc về thân kiến Câu sinh, của thức thứ sáu, gọi là câu sanh nên phiền não còn lại, gọi chẳng phải Câu sinh. Nhưng thể của chúng hơi thô, nhân Câu sinh kia mà khởi, do Câu sinh kia mà dứt trừ. Vì phiền não này cũng không theo, nên gọi là hại bạn.

Tùy miên yếu kém, nghĩa là hiện hành của vi tế Địa thứ sáu, thứ bảy. Nếu vì tu đã hàng phục, không hiện hành, nên chẳng phải thân kiến Câu sinh dứt trừ, thì đây cũng là tùy miên diệt, vì hơi khó dứt, không trái với kinh Lăng-già nói “Vì dứt trừ thân kiến Câu sinh, nên tham tức bất sinh.”

Kinh Lăng-già y cứ ở Nhị thừa phiền não mà nói. Không dựa vào chướng sở tri của Bồ-tát là không, nên phiền não bất sinh mà nói, hoặc dựa vào địa vị dứt trừ rốt ráo của hai tùy miên. Kinh kia, kinh này cũng không trái nhau.

Tùy miên vi tế, nghĩa là từ Bát địa trở lên, như Chương Duy thức kia giải thích: “Hai là nói về da, xương thô nặng”. Luận sư Cảnh nói: “Ý hỏi trong đây”, Với ba tùy miên trên, khi bậc Thánh dứt trừ, vì là bỏ da hay là bỏ cả da xương? Chỉ do hai thứ, nghĩa là do đoạn thô nặng

ở da, nên làm rõ hai tùy miên đầu kia. Khi dứt trừ hai thứ tùy miên yếu kém, tùy miên hại bạn mà Thất địa trước đã có, đây gọi là dứt thô nặng ở da.

Nói “Lại do dứt thô nặng của da, cho nên làm rõ tùy miên thứ ba kia, nghĩa là ba thời gian sau, dứt tùy miên vi tế, đây gọi là dứt thô nặng ở da. Nếu dứt trừ thô nặng ở xương, thì ta sẽ nói lìa hẳn tất cả vị Tùy miên ở Phật Địa. Ba tùy miên trước vì tất cả tập tể, nên gọi là xương. Y cứ ở chứng ngoài loại đạo giải thoát, trừ trụ ở trong phiền não của Phật địa.

Nói về ba tùy miên có da, xương, phân biệt trong chương sở tri giống như thế. Pháp sư Thái nói: “Y cứ dứt trừ ba phiền não da xương, để lập kiếp ba-tăng-kỳ: Tăng-kỳ đầu ở thô nặng của da. Từ Tăng-kỳ đầu đến Sơ Địa, vì dứt trừ hết thô nặng, mới lộ rõ giúp đỡ của Sơ, Nhị và tùy miên yếu kém có thể khởi hiện hành. Do từ Sơ Địa đến Thất địa, dứt trừ thô nặng ở da, nên từ Bát địa trở lên, làm rõ tùy miên pháp chấp vi tế của địa thứ ba kia, hay khởi hiện hành pháp chấp. Dứt trừ hết thô nặng ở xương, nghĩa là trụ ở Phật địa, nên lìa hẳn tất cả tùy miên.

Thứ ba, là nói về số kiếp có thể dứt trừ. Nếu y cứ ở Đại kiếp, thì chỉ trải qua ba số kiếp, không thể dứt trừ hết thô nặng. Nếu dựa vào tiểu kiếp, thì sẽ trải qua vô lượng.

Thứ tư, là nói về tướng phiền não sinh trong địa, trước nêu lên ba câu hỏi. Kế là, đáp bài tụng sau. Trong phần đáp. Luận sư Cảnh nói: “Ở Sơ Địa thông đạt pháp giới. Do nhân duyên này, Bồ-tát phải biết mới khởi phiền não, gọi là tướng vô nhiễm, dù khởi phiền não vẫn không thể sinh khổ ở trong tự thân, nên không có lỗi lầm. Khởi “hoặc” như thế, dứt trừ nhân khổ khác, có vô lượng đức. Pháp sư Thái nói: “Đã nói rằng ở trong Sơ Địa, phải biết mới khởi phiền não” nên biết trong Nhị địa nói: “Lìa hay khởi tâm ngộ nhận phiền não. Phiền não phạm giới, là Địa tiền đã khởi, đến Nhị địa hàng phục hạt giống kia, chẳng phải hiện khởi trong Sơ Địa”.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Dùng văn này để chứng minh rằng, Sơ Địa trở lên không cố phạm tội.

Dưới đây, đoạn thứ tư, là nói về ý nhất thừa “Như Đức Phật đã nói, cho đến “Ta không nói tánh khác nhau của thừa”, nghĩa là trong Tiểu thừa, giảng nói các thứ pháp tánh của uẩn, giới, xứ, trong Đại thừa, nói các pháp này đồng một lý thú chân như giới, vì y cứ đồng với chân như. Đức Phật không nói tánh khác nhau của thừa.

Nói “Trong đó, cho đến một loại tổn giảm”, nghĩa là nghe nói ba

thừa đồng một tánh như, hoặc chấp Nhị thừa đồng với Đại thừa, gọi là tăng ích. Hoặc chấp Đại thừa đồng với Nhị thừa, gọi là tổn giảm.

Lại, nói là ba thừa đã có khác nhau, thì làm sao đồng một pháp giới chân như. Pháp giới đã đồng, lẽ ra thừa không có khác, mà không thể biết Thánh đạo của ba thừa. Sự, Pháp khác nhau có thượng, trung, hạ, như lý thì đồng chung một pháp giới, mà không trái nhau, nghĩa là có trái nhau, mà khởi tranh luận.

Dưới đây là trùng tụng, gồm thu các địa. Nghĩa là Nghĩa nhiếp thu đầu tiên của tụng. Địa của bài tụng chung, gọi là hai mươi hai ngu si, mười một thô nặng bị đối trị, tám thanh tịnh của tụng thù thắng, đức chung các địa, sinh tụng Bồ-tát sinh vượt hơn, nguyện tụng rộng lớn và các người học tụng sáu độ.

“Do dựa vào lời Phật nói là Đại thừa đã khéo tu sáu độ này mà thành bậc Đại giác, nghĩa là bài tụng y chỉ Bồ-tát, Đức Phật nói Đại thừa, nếu tu sẽ thành Phật. Hoặc có thể là hai câu tụng này dựa vào ba kiếp tu thành của địa vị Đại thừa. Dưới đây có hai bài tụng, tụng Mật thuyết Nhất thừa sau cùng. Dưới đây là lúc thỉnh đặt tên kinh, chúng được lợi ích rất dễ hiểu.

Dưới đây là, đoạn lớn thứ bảy, Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, thưa hỏi nghĩa ba thân. Trước tiêu biểu tông chỉ kinh. Kế là, chính thức dẫn văn kinh, trong đó, trước hỏi đáp, chính nói. Sau, được lợi ích khi đặt tên kinh.

Trong phần trước có mười bốn môn. Đầu tiên, là hỏi đáp, nói về tướng pháp thân.

Mạn-thù-thất-lợi, xưa nói Văn-thù-sư-lợi, xưa dịch là Diệu Đức. Nay dịch Diệu Cát Tường.

Ý trong đây nói là: “Tu xuất ly ở trong các địa để làm liễu nhân, làm rõ chuyển y tịnh chân như thành tự viên mãn là tướng pháp thân.”

Thứ hai, là nói về chuyển y của Nhị thừa, không gọi là pháp thân, vì Nhị thừa chưa dứt trừ chướng sở tri. Do dứt trừ chướng “hoặc”, nên được làm sáng tỏ chân như, gọi là thân giải thoát. Do thân giải thoát ba thừa đều bình đẳng. Do pháp thân, nên có sự khác nhau ấy.

“Vô lượng công đức khác nhau, vượt hơn hết, tính, đếm, khó biết”, nghĩa là văn này chứng minh rằng, chân như bản hữu có công đức nhiều như số cát sông Hằng.

Thứ ba, là nói về hóa thân của các Như lai tạo nên sự nghiệp Luận sư Bị, Cảnh nói: “Hóa thân tạo nên sự nghiệp, như thế giới khởi, ý văn

này nói về tướng Sinh khởi của thân “Tha thọ dụng” và thân biến hóa, lược qua không nói thân tự thọ dụng “như thế giới khởi”. Đồng với chúng sinh do các thế giới hóa hiện hình loại sanh khởi, cho nên nói như thế giới khởi. Pháp sư Thái nói: “Như lúc thế giới Tam Thiên khởi, tất cả chủng loại của chúng sinh đều cảm chung mà khởi, nghiệp hóa thân cũng giống như thế. Tất cả công đức của Như lai sanh khởi làm tướng.

Thứ tư, là nói về hoá thân, phương tiện khéo léo của thân, tức là tướng của tám tướng thành đạo. Nhưng nói trong văn này nói lược.

Thứ năm, là nói về ngôn âm khác nhau của Như lai, trước là hỏi đáp, nêu chung ngôn âm của Như lai không ngoài ba tạng.

1. Khế kinh.

2. Điều phục, xưa gọi là diệt.

3. Bản mẫu, xưa gọi là Ma-đức-lặc-già. Nay nói là Ma-đát-lý-ca. Hán dịch là Bản mẫu. do trong tạng này, nói rộng các nghĩa, xuất sinh mỗi thứ đạo lý, nên gọi là Bản mẫu, cũng có thể do nói về nhiều thứ đạo lý, đây là sinh ra các thứ nghĩa lý, nên gọi là Bản mẫu.

Dưới đây sẽ giải thích riêng ba tạng. Trước nêu riêng ba câu hỏi. Sau, theo thứ lớp giải thích:

Đầu tiên là giải thích Khế Kinh:

“Nếu ở chỗ này cho đến gọi là Khế kinh, nghĩa là dựa vào Tỳ-Bà-Sa giải thích về sự khác nhau của ba tạng, hoặc giải thích về Định, gọi là Tu-Đa-La. Hoặc nói các thứ thuyết xen lẫn, gọi là Tu-đa-la v.v... Nay, thì thích hợp với các thứ thuyết xen tạp, gọi là Khế kinh, nghĩa là dựa vào bốn sự, chín sự, hai mươi chín sự, để chia ra hai môn.

Thế nào là bốn việc? Bốn việc là: 1. Sự lắng nghe hai tuệ Văn, Tư.

2. Sự quy thú, tức là ba quy y.

3. Sự tu học, tức ba học.

4. Sự Bồ-đề, tức là ba mươi bảy phẩm. Bốn thứ hạnh tích: Xa-ma-tha, Tỳ-Bát-Xá-Na v.v... có thể được sự Đại Bồ-đề. Trong luận Hiển Dương cũng nói bốn việc này, cho nên bài tụng kia chép: nghe nương tựa học Bồ-đề

Trong chín Sự:

1. Sự thi thiết hữu tình, tức là năm uẩn.

2. Cái mà hữu tình kia thọ dụng, tức là mười hai xứ, sáu căn, sáu trần thọ dụng lẫn nhau.

3. Sự sinh khởi của hữu tình kia, tức mười hai chi hữu.

4. Hữu tình kia sinh rồi trụ, tức là bốn cách ăn.

5. Sự nhiễm, tịnh, tức là bốn đế: Khổ và Tập là nhiễm, diệt và đạo là tịnh.

6. Sự sai khác kia, tức năm thứ giới: Hữu tình giới, khí thế giới, pháp giới, Điều phục hữu tình giới và Điều phục phương tiện giới.

7. Sự năng nói, tức là Chư Phật.

8. Sự được nói, tức là các pháp.

9. Sự chúng hội, có tám chúng. Trong người có bốn chúng: Sát-lợi; Sa-môn; Bà-la-môn; Trưởng giả. Trời có bốn chúng

1. Trời Tứ thiên vương.

2. Ba mươi ba trời.

3. Trời Diêm ma.

4. Trời Phạm chúng.

Trong hai mươi chín sự, bốn sự trước là nhiễm, nghĩa là dựa vào phẩm tạp nhiễm, có sự nhiếp các hạnh, tức là năm uẩn. Tùy chuyển thứ lớp kia, tức là duyên sinh, ba là nhân chấp, bốn là pháp chấp. Do hai chấp này làm nhân của lưu chuyển ở đời vị lai.

Dưới đây, có hai mươi lăm sự là tịnh, bốn trong số đó là pháp thiện thế gian, nghĩa là dựa vào phẩm thanh tịnh, có người buộc niệm sở duyên, tức là văn tuệ của cõi Dục. Buộc tâm làm cảnh của bốn niệm xứ.

Sự siêng năng, tinh tấn, tức là Tư tuệ. Sự tâm an trụ, tức là được thiền Vị Chí. Sự quán pháp lạc, trụ, tức là được thiền căn bản. Dưới đây, có hai mươi một sự là tịnh xuất thế, một trong số đó là phần giải thoát. Bốn là thuận quyết trạch phần. Bốn là kiến đạo, sáu là tu đạo. Bốn là đạo Vô học. Hai sự sau, xét lường nói lên sự thù thắng, vượt qua tất cả khổ “duyên” sự phương tiện, là thuận với thiện giải thoát phần. Niết-bàn và chung sinh kia, là lia duyên khổ, nên gọi là siêu việt tất cả “duyên” khổ. Thiện của giải thoát phần là phương tiện kia. Kế là, nói về thuận quyết trạch tức là biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo. Biết khổ có ba:

1- Y xứ điên đảo biết được khổ cõi Dục.

2- Tà hạnh y xứ, biết khổ cõi Sắc.

3- Bên trong lia chỗ nương tựa của tầng thượng.

Sự tu y xứ, đây là dứt tập. Sự tác chứng tu tập, tức là chứng diệt, tu đạo. Dưới đây, trong phần nói kiến đạo, nay, sự bền chắc kia, nghĩa là hoàn toàn kiến đạo, không bao giờ lui sụt thành phàm phu, nên gọi là vững chắc.

Sự hành tướng kia, là tướng kiến đạo. Sự sở duyên kia, tức sự sở

duyên kiến đạo.

Sự đã dứt, chưa dứt, quán sát khéo léo, nghĩa là quán sát kiến hoặc trong tướng kiến đạo đã dứt, tu hoặc chưa dứt.

Tu Vị có sáu, nghĩa là sự tán loạn kia: Đã xuất kiến đạo, chưa nhập tu đạo, trung gian dần khởi tâm tán loạn. Sự không tán loạn, sự y xứ không tán loạn, hai thứ này đều là sự định, là đạo phương tiện đạo tu hoặc cõi Dục. Sở y không tán loạn, nghĩa là trừ một số định, pháp đồng thời khác không xả bỏ.

Sự tu tập gia hạnh vất vả, tức là đạo vô ngại dứt tu hoặc cõi Dục.

Sự tu tập thắng lợi, nghĩa là được vô ngại lìa sắc, Vô Sắc. Sự bền chắc kia kia, tức tâm Kim cương.

Vô học có bốn:

1. Sự Nhiếp hạnh Thánh, nghĩa là như lý trí tận vô sinh trí.

2. Sự nhiếp quyển thuộc của hạnh Thánh, nghĩa là trí như lượng, trí tận vô sinh.

Sự thông đạt chân thật, nghĩa là muốn nhập Vô dư, nên quán sự chân thật.

Sự chứng đắc Niết-bàn, nghĩa là muốn nhập Vô dư, trước nhập diệt định, thì trong tâm Lại-da ở diệt định mà Bát Niết-bàn.

Sự khéo nói pháp đến sự Kiến Đảnh trong Tỳ-nại-da, là nói ý nói về tu thiện giải thoát phần của phẩm hại trước, vượt lên chính kiến đảnh phẩm thượng của ngoại đạo.

“Và tức ở nơi đây, cho đến “nên gọi là lui sụt”, nói về ngoại đạo kia không tu thiện giải thoát phần, thì gọi là lui mất, chứ chẳng phải lỗi lầm hiện khởi tà kiến, gọi là lui sụt. Nếu khởi định Vị Chí, định căn bản của Văn tự về trước, phước thiện của thế gian cũng gọi là lui sụt. Đây là nên được, không được, là chưa được lui sụt.”

Kế là giải thích về điều phục. “Nếu ở chỗ này đến, gọi là điều phục”, nghĩa là nếu nói phương tiện trước, sau của giới biệt giải thoát. Ngôn giáo như thế đều gọi là điều phục. Nói bảy tướng. Luận sư Cảnh nói: “1/ Nói thọ già giới; 2/ Nói thọ tánh giới; 3/ Nói duyên phạm giới; 4/ Nói phạm tánh tội; 5/ Nói sự trì giới; 6/ Nói sự vi phạm xong có khả năng xuất ly; 7/ Nói sự xả luật nghi đối với người có thức.

Nay giải thích:

1. Nói thọ nghi thức giới.

2. Nói tội nặng căn bản.

3. Nói duyên phạm giới.

4. Nói phạm phụ có phạm tự tánh.

5. Nói Bực Thánh không có phạm tự tánh.

6. Nói sự ăn năn lỗi lầm.

7. Nói xả giới.

Dưới đây, là giải thích Bản mẫu: 1. Nêu chung, mười một tướng;

2. Giải thích theo thứ lớp.

Trước là nói về tướng tục có ba:

1. Nói về sắc thủ thú.

2. Nói chấp có Biến kế sở chấp.

3. Nói sự nghiệp tác dụng của y tha.

Thứ hai, là tướng Thắng nghĩa, nghĩa là nói bảy chân như. Thứ ba, tướng sở duyên của pháp Bồ-đề phần, tức là nói tất cả sự của sở tri.

Thứ tư, là nói về hành tướng, nghĩa là nói tám hành:

1. Để thật, nghĩa là các pháp Như.

2. An trụ “cho đến hoặc lại an lập sự khác nhau của ẩn mật, hiển liễu”, thọ ký khác nhau.

Ẩn Mật thuyết, nghĩa là có người hỏi ta với thế gian là thường hay vô thường v.v...? Ta chỉ bảo họ rằng: “Ta nói điều này không thể nói”, gọi là ẩn mật thuyết.

Hiển liễu thuyết, nghĩa là có người hỏi đúng như pháp, lại thọ ký đúng v.v... như pháp.

3. Lỗi lầm.

4. Công đức như văn.

5. Lý thú phải biết có sáu thứ, lý thú của ý thú thứ sáu, tức là bốn ý, như thời ý v.v...

6. Lưu chuyển. Nói ba tướng hữu vi, nghĩa là lấy trụ, dị hợp nói.

7. Đạo lý, có bốn đạo lý.

a. Đạo lý quán đãi, nghĩa là hoặc nhân, hoặc duyên có khả năng sinh các hành v.v... : Các hành nếu muốn sinh, quán nhân duyên chờ đợi. Và muốn nói cũng đợi nói nhân.

b. Đạo lý tác dụng, nếu các nhân duyên thì có thể được các pháp: Như sáu căn chứng đắc sáu trần, đều có tác dụng. Hoặc có thể thành xong, như bốn đại chủng, mỗi đại chủng đều có thể hoàn thành tác dụng của mình. Hoặc lại sinh rồi, tạo nên các nghiệp dung, nghĩa là tùy theo là nhân của pháp nào sinh xong, tác động các nghiệp dung.

c. Chứng thành đạo lý, nghĩa là nếu nhân duyên có thể khiến cho nghĩa đã lập, đã nói, đã tiêu biểu, được thành lập, khiến cho giác ngộ đúng, nghĩa là do ba chi, khiến cho nghĩa giải thích được thành lập, sao cho kẻ chống đối luận, sinh giác ngộ đúng.”

Lại giải thích: Nêu Nhân, Dụ kia, để cho nghĩa của Tông đã lập được thành lập, đây là nói lược. Kế sẽ giải thích rộng.

Lại, chứng thành đạo lý, lược có hai thứ:

1- Thanh tịnh.

2- Không thanh tịnh.

Do năm tướng, gọi là thanh tịnh:

1. Hiện hành, thấy tướng sở đắc, nghĩa là tất cả hành đều là tánh vô thường v.v... đây là cái hiện lượng của thế gian được, gọi là tướng hiện đã được.

Y cứ vào khổ sinh tử vô thường ép ngặt v.v... của một thời kỳ thô, có hành vi đã tạo nên các tánh như vô ngã v.v... không được tự tại, gọi là hiện lượng của thế gian đã được.

2. Y chỉ hiện thấy tướng sở đắc, nghĩa là tất cả hành đều có tánh sát-na, là một môn. Tánh có của đời khác là thứ hai. Nghiệp tịnh bất tịnh, không có tánh mất mát hư hoại là thứ ba. Đây là nêu năng nương tựa vào pháp đã so sánh biết, do người kia hay dựa vào tánh vô thường thô, nặng, vì hiện có thể được. Tánh vô thường thô của một thời kỳ tử sinh, tất nhiên dựa vào vô thường của sát-na vi tế. Đã có chủ thể nương tựa tánh vô thường thô, phải biết rằng, ắt có vô thường tế sát-na. Do các thứ khác nhau của hữu tình, đều dựa vào các nghiệp thiện, ác mà được. Nay, các hữu tình lại làm ác việc thiện, ác, so sánh mà biết đời khác có tánh khổ, vui. Do nghiệp tịnh, bất tịnh, hoặc vui, hoặc khổ của các hữu tình, dùng làm y chỉ, vì hiện có thể được, nghĩa là hiện thấy nỗi khổ, vui mà hữu tình phải chịu, dựa vào nghiệp thiện. ác. So sánh biết nghiệp tịnh, bất tịnh, tất nhiên sẽ dẫn đến quả, không có mất mát, hư hoại.

3. Thí dụ tự loại, đã dẫn phát tướng, nghĩa là dẫn chứng đời biết chung trong nhóm của các hành bên trong, ngoài, đã bị sinh tử để làm thí dụ, nghĩa là nặng, thành dùng vô thường thô để dụ cho vô thường tế, gọi là tự loại. Dẫn điều mà thế gian biết chung đã bị các tướng khổ dùng làm thí dụ, nghĩa là lại thành dùng khổ khổ thô để thí dụ cho hành khổ tế, gọi là tự loại.

Dẫn tướng không tự tại mà người đời đều biết để làm thí dụ, nghĩa là nặng trở thành tướng không tự tại mà người đời đều biết để dụ cho vô ngã tế.

Lại nữa, “ở ngoài đến dùng làm thí dụ “nghĩa là nêu lại tướng thô tịnh, suy, dụ cho vô thường tế.

4. Tướng Viên Thành Thật: “Tức “Như thế, cho đến gọi là tướng Viên thành thật, nghĩa là dựa vào ba lý ở trước để lập nghĩa quyết định,

gọi là Viên thành thật.

5. Tướng ngôn giáo thanh tịnh thiện, như văn, rất dễ hiểu.

“Tướng Nhất Thiết Trí có bao nhiêu?” Trở xuống, nhân hỏi đáp, nói về tướng của Nhất thiết trí, đại khái có năm thứ, trước nói sau kết.

Nói “Vì sinh như thế”, là kết đầu.

Nếu có đấng Nhất thiết trì xuất hiện thế gian, thì tiếng tăm đều vang khắp. Kết bốn câu còn lại rất dễ hiểu. Nay người thiện nam! Đạo lý chứng thành như thế, do hiện lượng, là kết tướng đã được hiện thấy trên.

“Do tử lượng”, nghĩa là kết ba tướng kể đó, Y chỉ hiện thấy tướng sở đắc. Tự loại, là dụ cho tướng được dẫn.

“Tướng Viên thành thật, do Thánh giáo lượng”, nghĩa là kết tướng duyên ngôn giáo thanh tịnh thiện thứ năm kia: Ba thứ như thế, do năm thứ tướng, gọi là thanh tịnh.

Kế là, nói không thanh tịnh do bảy thứ tướng, phải biết Nhân minh, vì trong nhân nói không thành, không định. Và nêu trái nhau không thành. Trái nhau đều có bốn, Bất định có sáu, mỗi pháp đều giải thích riêng. Như vua Thương-Yết-La có soạn đã sáng tạo luận Tiểu Nhân Minh. Bảy tướng đã nói trong đây, tướng đương với luận kia thì đâu có lỗi gì?

Luận sư Cảnh nói: “Nay, trong văn này tướng đương với năm, trong sáu bất định kia, trừ quyết định trái nhau:

1. Tướng có được của đồng loại khác này: tướng này tướng đương với chuyển một phần của đồng phẩm, chuyển khắp các phẩm khác, như nói tiếng chẳng phải siêng năng, mạnh mẽ, không gián cách đã phát ra, vì nhân là nói tánh vô thường nên chẳng phải siêng năng, mạnh mẽ, không gián đoạn mà phát ra. Tông lấy điện, hư không làm đồng phẩm. Nhân tánh vô thường đối với điện thì “có”, với hư không thì “không”. Dùng bình v.v... làm phẩm khác. Nhân của tánh vô thường đối với có khắp của hư không kia.

Nay, trong văn này chỉ nói vì chuyển một phần của đồng phẩm, nên nói, đồng loại khác này có thể được. Trong đồng phẩm ngoài tông này, có nhân của tánh vô thường này có thể được, nên nói khác với đây.

2. Tướng có thể được của dị loại khác này, tức là chuyển một phần của phẩm “dị”, chuyển khắp của đồng phẩm. Như nói: “Tiếng là siêng năng, mạnh mẽ, không gián đoạn đã phát”. Nhân nói rằng: “Vì tánh vô thường”. Tông này lấy bình v.v... làm đồng phẩm. Nhân tánh

vô thường, chuyển khắp hư không kia. Dùng điện, hư không làm phẩm dị. Tánh vô thường kia nhân đối với điện là “có”, đối với hư không thì “không”. Một phần của phẩm dị ngoài Tông này được có nghĩa của tánh vô thường, nên nói rằng, dị loại khác này có thể được. Lược qua không nói có khắp của đồng phẩm.

3. Tướng có thể được của tất cả đồng loại: Tức là cộng, bất định. Như nói: “Tiếng là thường, vì tánh bị so lường. Nhân này đối với đồng phẩm, phẩm khác đều có. Nay trong văn này, lại nói đồng phẩm, có thể được.

4. Tướng có thể được của tất cả loại khác, tức là bất cộng. Như nói: “Tiếng thường là vì bị nghe, không có đồng pháp dụ, chỉ có dụ khác, vì ngoài tiếng, đều chẳng phải bị nghe, nên nói rằng tất cả loại khác có thể được.

5. Sở đắc của thí dụ loại khác, tức là chuyển một phần của Câu phẩm. Như nói “Tiếng là thường, vì không có chất ngại v.v... vì chuyển một phần của đồng phẩm, phẩm khác cũng có chuyển một phần, nên nói là tướng sở đắc của thí dụ loại khác.

6. Chẳng phải tướng Viên thành thật, nghĩa là chi Nhân không đủ, gọi là chẳng phải Viên thành.

7. Chẳng phải là tướng ngôn giáo thanh tịnh, thiện, như lập tiếng là thường, vì tánh sở tác. Nhân này chỉ “có” ở trong phẩm khác, nên ó thể lập ngôn giáo chẳng phải thiện, thanh tịnh.

Trên đây, là nêu danh. Dưới đây trong giải thích, trước giải thích thứ ba, nói: “Nếu tánh được nhận thức của ý thức tất cả pháp gọi là tướng có thể được của tất cả đồng loại. Như lập: “Tiếng là thường, vì là nhận thức của ý thức.”

“Nếu vậy, thì ý thức nhận thức tất cả các pháp. Vì như hư không là ý thức nhận thức, nên tiếng là thường kia, hay vì như bình v.v... là ý thức nhận thức, nên tiếng là vô thường?”

Nói “Nếu tướng khác của nhân quả, của pháp nghiệp tướng tánh của tất cả pháp” v.v... đến “gọi là tướng có thể được của tất cả loại khác, đây là giải thích chuyển một phần của Câu phẩm thứ năm. Như Thỉnh Luận sư lập: “Tiếng là thường, vì không có tánh chất ngại. Tông thường lấy hư không cực vi làm đồng phẩm. Nhân không có chất ngại này đối với hư không thì có, với cực vi thì không. Lấy bình, lạc v.v... làm phẩm khác. Nhân không có chất ngại này đối với lạc thì có, với bình thì không, nên nói: “Do tùy ở tướng của đồng phẩm, khác xoay vẫn một phần như thế, là gọi là tướng có thể được của loại đồng, khác

còn lại.

Nói “Nếu quyết định xoay vần đều là tướng khác, gọi là tướng có thể được của tất cả loại khác. Đây là giải thích tất cả loại khác thứ tư có thể được, đó là bất cộng, bất định, như nói tiếng thường, tánh bị nghe v.v...”

“Này người thiện nam! Cho đến “là gọi là chẳng phải tướng Viên thành thật”, đây là giải thích thứ nhất, tướng có thể được của đồng loại khác này, tức là chuyển một phần của đồng phẩm, chuyển khắp của phẩm khác.

Nói “Lại, đối với tướng có thể được của dị loại khác cho đến “Cũng gọi là chẳng phải Viên thành thật”, đây là giải thích thứ hai.

Tướng có thể được của dị loại khác này và tướng của tất cả đồng loại trong thí dụ, tức là chuyển một phần của phẩm dị, chuyển khắp của đồng phẩm.

Nói “Chẳng phải Viên thành thật, nên chẳng phải khéo quán sát đạo lý thanh tịnh, vì không thanh tịnh, vì thế không nên tu tập”. Đây là giải thích thứ sáu, chẳng phải tướng Viên thành thật, lý không đủ của chi nhân, không thanh tịnh, không nên tu tập.

Nói “Nếu thí dụ loại khác, đã dẫn tướng cho đến “thể tánh đều không thanh tịnh”, đây là giải thích thứ bảy, chẳng phải tướng ngôn giáo thanh tịnh thiện. Như lập: “Tiếng là thường, vì là tánh sở tác (tánh làm ra), dùng hư không làm đồng phẩm, điện, bình làm phẩm “khác”. Nhân này chỉ “có” ở trong phẩm “khác”, nên nói “tướng mà thí dụ loại khác đã dẫn.

Pháp sư Thái nói: “Câu thứ nhất lập nhân không thành, như lập tông: “Uẩn chung là vô thường”. Nhân nói là vì ý thức đã nhận thức. Nhưng vô vi đồng là pháp mà ý thức đã nhận thức, vì chẳng phải vô thường.

Câu thứ hai, như lập Tông: “Tiếng là vô thường, nhân rằng: “Vì bị nhĩ thức nghe”. Nhưng pháp loại khác sắc, hương v.v... chẳng phải đối tượng nghe của nhĩ thức, nhưng vì là vô thường, nên lập nhân không thành. Nếu lập Tông rằng: “Tiếng là thường. Nhân: “Vì từ nhân sinh” nhưng lại không có loại khác, không lấy nhân sinh pháp, vì là vô thường, nên loại khác không thật có.”

Luận sư Bị nói:

1. Giải thích tướng thứ ba.
2. Giải thích tướng thứ tư, tức bất định cộng.
3. Giải thích tướng thứ nhất, tức là chuyển một phần của đồng

phẩm, chuyển khắp thí dụ của phẩm khác, vì đối với Tông đã lập chẳng phải quyết định, nên gọi là chẳng viên mãn.

4. Giải thích tướng thứ hai, tức là chuyển một phần của phẩm khác, vì chuyển khắp thí dụ của đồng phẩm, nên về tông đã lập cũng không quyết định.

5. Giải thích tướng thứ sáu.

6. Giải thích tướng thứ năm và tướng thứ bảy, như thứ lớp đó, vì loại khác đã dẫn, nên chẳng phải ngôn giáo thiện, thể tánh đều không thanh tịnh.

Luận sư Cảnh nói: “Bốn câu đầu trong bảy tướng này gồm thu năm bất định, nghĩa là câu thứ nhất, gồm thu chuyển một phần của phẩm đồng, chuyển khắp và chuyển một phần của câu phẩm. Câu thứ hai là chuyển một phần của dị phẩm, chuyển khắp đồng phẩm.

Câu thứ ba, gồm thu cộng bất định.

Câu thứ tư, gồm thu bất cộng, bất định.

Thứ năm, “tướng sở đắc của thí dụ loại khác”, nghĩa là tự tướng của pháp gồm thu trái nhau.

Thứ sáu, chẳng phải tướng Viên thành thật, nghĩa là gồm thu bốn bất thành.

Thứ bảy, chẳng phải tướng ngôn giáo thanh tịnh thiện, tức gồm thu các lỗi khác.

Bốn đạo lý pháp nhĩ. Đức Như lai xuất thế, cho đến “gọi là đạo lý pháp nhĩ”, nghĩa là tánh thường cứng của đất, cho đến tánh thường động của gió. Vì thiện chiêu cảm báo vui, ác mắc phải quả khổ, nên nói “có Phật, không Phật, Pháp tánh, vẫn an trụ, pháp trụ, pháp giới.”

Y cứ trong hành tướng, đã nói thứ bảy. Kế là, giải thích chung, riêng thứ tám, nghĩa là nêu chung một câu, các câu sau sau, giải thích rộng, sáng suốt rõ ràng nghĩa rất dễ hiểu.

Y cứ trong giải thích về mười một tướng của Bản mẫu. Giải thích chung về môn hành tướng thứ tư đã xong. Kế là giải thích về tướng tự tánh thứ năm, nghĩa là “ta đã nói cho đến “gọi là tướng tự tánh”, nghĩa là nói có hành, có duyên v.v... trong Bản mẫu, tức là nói tướng của tự tánh Niệm trụ v.v...

Giải thích thứ sáu, về tướng của quả kia, nghĩa là dứt trừ các phiền não của thế gian, xuất thế gian, nghĩa là được thế tục hàng phục, dứt trừ phiền não. Đạo xuất thế dứt trừ hẳn phiền não. Đây là nói về đoạn đức và đã dẫn phát công đức của các quả xuất thế: Đây là nói về Trí Đức.

Thứ bảy, lãnh thọ kia khai thị. Tướng, nói là ở nơi kia, đến “giảng

nói mở bày, nghĩa là dùng trí giải thoát lãnh thọ công đức mà trí đoạn đã được, vì người khác giảng nói.

Thứ tám, là nói về tướng của pháp chướng ngại kia, rất dễ hiểu.

Thứ chín, tướng của pháp thuận theo kia, nghĩa là đối với kia phần nhiều có pháp sở tác, nghĩa là đối với Niết-bàn, tu pháp thuận theo, phần nhiều có sở tác, gọi là thuận theo kia.

Thứ mười, tướng lỗi lầm kia, tức là pháp chướng ở trước có thể làm tai hại lỗi lầm.

Thứ mười một, tướng thắng lợi kia, là tất cả công đức của pháp năng thuận theo ở trước đã có.

Đoạn thứ sáu, nói về nghĩa Đà-la-ni không chung, trong đó, trước thưa hỏi, sau đáp. Trong phần đáp gồm có văn xuôi và tụng.

Trong văn xuôi, trước chỉ này thừa nhận thuyết. 2- Chính là giải thích. 3- Lược kết.

Trong chính giải thích, có ba câu:

1/ Nói pháp nhiệm, tịnh đều không có tác dụng v.v... tức phá Phệ Thế Sư lập tác dụng thật và phá thật tánh, chấp thật có ngã, chẳng phải không có tác dụng giả và giả thiết thường thú hưởng, nghĩa là ở lại trong pháp Phật, người mới tu học, chấp tạp nhiễm của khổ, tập, ở trước nhất định có. Chấp pháp diệt, đạo, về sau được. Như bức họa lờ mờ kia là Biện kế sở chấp rốt ráo không có tự “thể”, đâu có trước, sau? Nếu y cứ nhân duyên nhiễm, tịnh của y tha thì chẳng phải không có trước, sau.

Kế là, nói “Phàm phu Di sinh v.v... cho đến chuyển tà gia hạnh, nghĩa là năm uẩn của phàm phu kèm theo phiền não không điều hòa, nhu thuận, gọi là thân thô nặng. Đối với thân thô nặng, chấp mắc tự tánh khác nhau của Nhân, Pháp. Do hạt giống của tùy miên tức tập kia và chấp giả dối làm duyên, nên chấp ngã, ngã sở, năng thấy nghe v.v...

“Nếu có như thật” trở xuống, kế là, nói, nếu biết chấp giả dối, thì có thể dứt trừ hẳn Thân thô nặng, đạt được tất cả phiền não bất trụ v.v... nghĩa là Niết-bàn gọi là phiền não bất trụ.

Trong phần tụng có ba bài tụng, như thứ lớp tụng, văn xuôi ở trước, chính là giải thích ba câu.

Thứ bảy, là nói về thân thọ dụng, tướng sinh khởi của tâm, có hai hỏi đáp:

1. Hỏi, đáp, nói chung về tâm Phật sinh khởi.

2. Hỏi đáp nói Chư Phật dù không có gia hạnh, nhưng Xa do phương tiện địa bên trong, vì năng lực gia hạnh của Bát-nhã, nên có tâm sinh khởi, có pháp, dụ, hợp.

Thứ tám, là nói về nghĩa có tâm. Có tâm, không có tâm biến hóa. Vì tâm không thể biến hóa, nên hóa thân Phật không tự nương tựa tâm, nhưng dựa vào tâm Phật thọ dụng, vì đối với “duyên” lợi vật, nên nói rằng có tâm Y tha.

Thứ chín, nói về hai tướng khác nhau: Cảnh giới của Như lai, sở hành của Như lai. Trong đây y cứ “duyên” tịnh độ của Chư Phật, gọi là sở hành của Như lai. Y cứ “duyên” sự lợi ích hữu tình của năm cảnh vô lượng, gọi là cảnh giới của Như lai.

Thứ mười, là nói về ba thứ thành Chánh giác, chuyển pháp luân và Đại Niết-bàn trong tám tướng, đều không có hai tướng. Ý nói là pháp thân của đức Như lai không có ba tướng này, đối với “duyên” biến động, gọi là rốt ráo tịnh. Hóa thân của Như lai đối với “duyên” biến động, vì thường thị hiện, nên có ba tướng này.

Thứ mười một nói về Đức biến hóa của Phật xa sinh ra phước cho người. Ý hỏi “Pháp thân Như lai và Thân tự thọ dụng, chúng sinh không thể thấy, nghe, thờ phụng, có nhân duyên gì đối với các hữu tình?”

Trong phần đáp, Luận sư Cảnh nói: “Như lai là nhân duyên của sở duyên tăng thượng kia, nên Xa sinh phước người người. Xa, do pháp thân trụ trì Hóa thân, nên hai thân kia cũng sinh ra phước cho người. Pháp sư Thái nói: “Đức Như lai là Trí tuệ của thân thọ dụng, do trí tuệ, nên hóa thành sắc, thanh. Dùng sắc thanh của Như lai làm duyên tăng thượng. Tâm thức của chúng sinh có tướng giống với sắc thanh của Như lai khởi, chính là sở duyên sắc, thanh của Như lai, chỉ là sở duyên tăng thượng, chẳng phải thân sở duyên. Trí tuệ của Như lai là nhân duyên của sở duyên tăng thượng kia, do thân có khả năng biến hiện thành sắc, thanh.”

Thứ mười hai, nói pháp thân của Như lai đối với thân giải thoát của Nhị thừa, để nói về sự khác nhau của thân đó.

Luận sư Cảnh, Bị đồng nói: “Pháp thân Như lai vì các hữu tình, phát ra ánh sáng trí tuệ rộng lớn và vô lượng ảnh tượng của hóa thân, nghĩa là đều y cứ vào duyên xa Tăng thượng để nói. Từ thân thọ dụng phát ra hóa thân v.v... tức là Thân duyên khởi (duyên khởi gần).

Nói “Vì rằng, hữu tình đại oai đức đã trụ trì của Thiên, tử, mặt trời, mặt trăng, nên phát ra ánh sáng rực rỡ. Đây là so sánh oai đức lớn của Chư Phật, vì đã chứng pháp thân, nên có thể hiện ra ảnh tượng của hóa thân kia.

Vì sức tăng thượng của nghiệp các hữu tình là duyên thứ hai. Do các hữu tình bị đen tối, tu nghiệp ánh sáng, vì năng lực tăng thượng, nên

cảm báu Phả chi ca của mặt trời, mặt trăng kia, nên phát ra ánh sáng rực rỡ, chứ chẳng phải báu Phả chi ca, nước, lửa khác có thể phát ra ánh sáng dụ cho Nhị thừa chứng thân giải thoát, vì không có hai dụng ở trước.

Thứ mười ba, là nói oai đầy đủ của Phật, Bồ-tát trụ trì hoặc đạo, hoặc hạnh, nay các hữu tình đối với thân mạng, tài sản trong ba cõi được viên mãn.

Đạo, nghĩa là mười nghiệp thiện hành, là diệu hạnh của thân, ngữ, ý v.v... Đức Như lai biết rõ đạo này, hạnh này là nhân của thân mạng, tài sản vì hữu tình kia nói về đạo, hạnh này. Người thuận theo giáo tu, ở tất cả chỗ, được thân mạng, tài sản đều viên mãn.

Y cứ nghĩa như thế, gọi là oai đức trụ trì.

Hỏi: “Cõi Dục, cõi Sắc có thể như thế, cõi Vô Sắc đâu có của báu?”

Giải thích: “Chánh báo trong cõi Vô Sắc, gọi là thân sức định biến ra, gọi là tài.”

Lại giải thích: “Thân có ở cả ba cõi, tài chỉ ở cõi Dục, cõi Sắc, gọi là chung là thân, tài của ba cõi. Thứ mười bốn, là nói về cõi nước ô uế, có tám sự dễ được, hai sự khó được. Tịnh độ thì trái lại, hai sự này dễ được, tám sự khó được, như văn rất dễ hiểu. Dưới đây, là đặt tên, thời gian, ích lợi rất dễ hiểu.

-----